

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/HNGĐ- ST

Ngày 29-9-2017

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Kim Chung

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hồ Văn Hạnh.

2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Văn Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa:* Ông Từ Quốc Quyền – C/v: Kiểm sát viên

Ngày 29/9/2017, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017, về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19/9/2017, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

***Bị đơn:** Anh Lê Ngọc T, sinh năm 1990, có mặt.

Địa chỉ: Số X đường N, tổ dân phố Y, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/7/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Lê Ngọc T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/5/2014. Quá trình chung sống được một thời gian thì đến tháng 01 năm 2017, giữa hai anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T hay ghen tuông, thường xuyên xúc phạm, đánh đập chị. Sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Do đó, chị thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vì vậy, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Ngọc T. Về con chung: Chị L xác nhận, vợ chồng chị có một con chung là

cháu Lê Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 22/11/2014. Hiện nay cháu phát triển bình thường và đang sống cùng chị. Chị L có nguyện vọng khi ly hôn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị L yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng kể từ ngày Quyết định, Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L xác nhận, vợ chồng chị không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Ngọc T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/5/2014. Quá trình chung sống, anh chị sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Tuy nhiên, do anh hay ghen tuông với vợ, thỉnh thoảng có nói xúc phạm vợ. Nhưng anh nhận thấy, tình cảm vợ chồng không đến mức trầm trọng như chị L trình bày. Do đó, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, anh không đồng ý. Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh chị được đoàn tụ với nhau để chăm lo cho con cái. Về con chung, trong trường hợp phải ly hôn, anh đồng ý giao cháu Lê Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 22/11/2014 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.500.000 đồng/tháng kể từ ngày Quyết định, Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Về tài sản chung và nợ chung, anh T xác nhận hai vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay mượn gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thủ tục Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi tham gia tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Lê Ngọc T; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, các đương sự không có tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và

tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Ngọc T là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh T hay ghen tuông, sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống chung không hòa thuận, hạnh phúc, hiện anh chị đã sống ly thân từ tháng 02/2017 đến nay. Tại phiên toà, chị L giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị L và anh T thì được chính quyền địa phương cung cấp thông tin mặc dù chính quyền địa phương, hội Phụ nữ đã hòa giải, động viên vợ chồng về đoàn tụ với nhau nhưng phía chị L vẫn cương quyết ly hôn, hai vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung thường xuyên cãi nhau. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các buổi hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị L cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T ngày càng trầm trọng, việc chị L xin ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh T xác nhận, hai vợ chồng có một con chung là cháu Lê Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 22/11/2014, hiện tại cháu phát triển bình thường và đang sống cùng chị Lang. Quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh T đều thống nhất giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Đồng thời, cháu Lê Nguyễn Ngọc Th sinh ngày 22/11/2014, đến thời điểm hiện tại chưa đủ 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Lê Nguyễn Ngọc Th đủ tuổi thành niên là đảm bảo cho sự phát triển đầy đủ cả về thể chất và tinh thần của cháu Th, phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị L yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.500.000 đồng/tháng kể từ ngày Quyết định, Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Xét thấy, thỏa thuận giữa chị L và anh T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L và anh T xác nhận, vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không cho ai vay mượn và cũng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Lê Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Tuyên xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Lê Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 22/11/2014 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (Tròn 18 tuổi). Sau khi ly hôn, anh Lê Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.500.000 đồng/tháng kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (Tròn 18 tuổi).

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003829 ngày 18/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Lê Ngọc T phải chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm phần cấp dưỡng nuôi con chung.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hs vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trương Kim Chung